

Số: 238 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(BỔ SUNG)

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát và Biên bản đánh giá bổ sung tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 03/8/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát.

Mã số thuế: 0102668815

Địa chỉ: Nhà M3-2 Khu B Tập thể Trường Đại học Mỏ địa chất, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm kiểm định xây dựng.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 119 Đường Nguyễn Xiển, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 670

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số: 102/GCN-BXD ngày 05/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát và có hiệu lực đến hết ngày 05/6/2025./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát;
- Sở XD Hà Nội;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ BỔ SUNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 670

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 238 /GCN-BXD, ngày 12 tháng 8 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định độ nở Autoclave	TCVN 8877:2011; ASTM C151-09
	VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG	
2	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 10321:2014
3	Xác định độ bền nén	TCVN 10324:2014
4	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8735:2012
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
5	Xác định độ thấm ion Clo	TCVN 9337:2012; ASTM C1152; C1218; AASHTO T260
	PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH CHO BÊ TÔNG	
6	Khối lượng riêng; hàm lượng MKN; độ mịn; độ ẩm; lượng nước yêu cầu; chỉ số hoạt tính cường độ đối với xi măng sau 28 ngày.	TCVN 11586:2016; TCVN 8827:2011; TCVN 8825:2011
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
7	Xác định tổng lượng muối dễ hòa tan trong đất	TCVN 9436:2012
	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
8	Thử nghiệm cấp dự ứng lực trước: Thử độ tụt nê - neo, mô đun đàn hồi	TCVN 10568:2017; BS 4447-73; ASTM A370:10
9	Thép làm cốt bê tông, bê tông dự ứng lực trước: Thử kéo và thử uốn	TCVN 7937:2013; ISO 15630; TCVN 9391:2012; ASTM A1061
10	Cáp dự ứng lực bọc epoxy từng sợi đơn: Thử kéo, thử chùng ứng suất, thử kéo môi, thử độ bám dính với bê tông, thử tính dẻo, thử hiệu suất neo	TCVN 10952:2015
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
11	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; AASHTO T206
12	Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	AASHTO T235-74; DIN 18134:2012; NF 94117
	BÊ TÔNG NHỰA, BỘT KHOÁNG, NHỰA ĐƯỜNG	
13	Nhựa đường: Thử nghiệm xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng xoay, phương pháp sấy màng mỏng	TCVN 11710:2017; TCVN 11711:2017
14	Nhựa đường: Xác định các đặc tính lưu biến bằng lưu biến kế cắt động	TCVN 11808:2017
15	Bê tông nhựa: Phương pháp xác định góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
16	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa: Xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
17	Phương pháp xác định hệ số đương lượng cát (ES) của đất và cốt liệu	AASHTO T176
18	Phương pháp xác định mức độ các hạt được bao bọc trong hỗn hợp nhựa	AASHTO T195
19	Phương pháp xác định độ ổn định và độ dẻo Marshall của hỗn hợp nhựa	ASTM D6927
20	Xác định độ hòa tan của nhựa đường trong N-Propyl Bromide	ASTM D7553
THỬ NGHIỆM GẠCH		
21	Gạch bê tông bọt, bê tông khí chung áp và không chung áp: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ nén, xác định khối lượng thể tích khô, xác định độ co ngót khô, xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017; ASTM C567
22	Gạch lát Granito: Kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định độ mài mòn, xác định độ chịu lực va đập xung kích, xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
23	Gạch Terazo: Xác định hình dạng và kích thước, Xác định độ hút nước bề mặt, xác định độ bền uốn, xác định độ mài mòn, xác định độ bền thời tiết	TCVN 7744:2013
24	Gạch xi măng lát nền: Kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn, độ hút nước, lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
VỮA, KÉO CHÍT MẠCH VÀ DÁN GẠCH		
25	Thời gian mở, độ trượt, cường độ bám dính khi cắt, cường độ bám dính khi kéo, xác định biến dạng ngang, xác định độ bền hóa	TCVN 7899-2:2008; ISO 13007-2; EN 12004-2:2017
26	Cường độ chịu uốn và nén, độ hút nước, độ co ngót, độ mài mòn	TCVN 7899-4:2008; ISO 13007-7
27	Vật liệu chống thấm gốc xi măng: Cường độ chịu kéo, cường độ bám dính, độ chống thấm nước, khả năng tạo cầu vết nứt	TCVN 12692:2020; BS EN14891: 2017; BS EN14891: 2017
THÍ NGHIỆM VÁN, SÀN GỖ NHÂN TẠO		
28	Ván gỗ dán - Phương pháp thử	TCVN 8328-1:2010; ISO 12466-1:2007
29	Ván gỗ nhân tạo - Xác định kích thước tấm	TCVN 11904:2017; EN 13329
30	Ván gỗ nhân tạo - Xác định độ ẩm	TCVN 11905:2017; EN 13329
31	Ván gỗ nhân tạo - Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906:2017; ISO 16981:2003; BS EN 13329:2016
32	Ván gỗ nhân tạo - Xác định độ bền mài mòn	TCVN 11947:2018; ISO 24338:2014; BS EN 13329:2016
33	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 7756-4:2007; TCVN 11903:2017
34	Độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước	TCVN 12445:2018; EN 13329; ISO 16983:2003

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
35	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 12447:2018; ISO 16984:2003
36	Xác định độ bền ẩm	TCVN 7756-8:2007
37	Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh	TCVN 12446:2018; ISO 16978
THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA, LƯỚI KỸ THUẬT VÀ BÁC THẨM		
38	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D5261
39	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4595; TCVN 8485:2010; ASTM D4632
40	Lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533
41	Lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241
42	Lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833
43	Áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786
44	Kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751
45	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009; ASTM D5199-12
46	Khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8482:10; ASTM D4355-14; BS 12224:00
47	Khả năng thoát nước	TCVN 8483:10; ASTM D4716-13
48	Xác định sức chọc thủng bằng phương pháp rơi côn	TCVN 8484:10; BS 6906-6:90
49	Độ thấm xuyên	TCVN 8487:10; ASTM D4491-16; BS 6906-3:89
THỬ NGHIỆM THẠCH CAO, KHUNG XƯƠNG TRẦN		
50	Xác định kích thước	TCVN 8257-1:2009; ASTM C473-19
51	Xác định độ cứng	TCVN 8257-2:2009; ASTM C473-19
52	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2009; ASTM C473-19
53	Xác định biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2009; ASTM C473-19
54	Xác định độ kháng nhỏ dính	TCVN 8257-4:2009; ASTM C473-19
55	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2009; ASTM C473-19
56	Xác định độ hấp thụ nước bề mặt.	TCVN 8257-7:2009; ASTM C473-19, ASTM D 3285-93
57	Xác định độ thấm thấu hơi nước	TCVN 8257-8:2009; ASTM C473-19
58	Khung xương trần: Xác định kích thước, độ bền của hệ khung treo	ASTM C635/C635M, ASTM E3090/E3090M
THỬ NGHIỆM TẤM TRÁI, MÀNG CHỐNG THẨM, BĂNG CẢN NƯỚC, THANH TRƯỞNG NỖ		
59	Màng chống thấm - Cường độ chịu kéo và độ giãn dài	ASTM D6693-04 (2015)
60	Màng chống thấm - Cường độ xé rách	ASTM D1004-13
61	Màng chống thấm - Hệ số thấm	ASTM D5385-93 (2014)
62	Màng chống thấm - Cường độ chịu bóc mỗi hàn	ASTM D6392-12 (2018)
63	Màng chống thấm - Xác định độ dày	TCVN 9409-1:2014; ASTM D374:2004; ASTM-D5199
64	Màng chống thấm - Xác định độ bền tách của mỗi dán	TCVN 9409-2:2014; ASTM D1876:2008

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
65	Màng chống thấm - Xác định tỷ lệ thay đổi khối lượng ở 70°C	TCVN 9409-3:2014; ASTM D1203:2003
66	Màng chống thấm - Xác định độ bền trong môi trường vi sinh	TCVN 9409-4:2014; ASTM D4068:2009
67	Màng chống thấm - Xác định độ bền trong môi trường hóa chất	TCVN 9409-5:2014; ASTM D543:2006
68	Tấm trải chống thấm - Lực kéo đứt và độ giãn dài khi đứt	TCVN 9067-1:12; ASTM D2523-13
69	Tấm trải chống thấm - Độ bền chọc thủng	TCVN 9067-2:12; ASTM D5635-18
70	Tấm trải chống thấm - Xác định độ bền nhiệt	TCVN 9067-3:12; ASTM D5635-18
71	Tấm trải chống thấm - Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 9067-4:12; ASTM D4551-17
72	Bảng cân nước - Kiểm tra ngoại quan, xác định kích thước	TCVN 9407:2014; TCVN 7756-2:2007
73	Bảng cân nước - Khối lượng riêng	TCVN 4866:13; ISO 2781:08; ASTM D792-13
74	Bảng cân nước - Độ bền hóa chất	TCVN 9407:14; CRD 572; JIS K6773:07
75	Bảng cân nước - Độ cứng Shore A	TCVN 1595-1:13; ISO 7619; ASTM D22240-15
76	Bảng cân nước - Cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt	TCVN 4509:13; ISO 37:11; ASTM D412-16; ASTM D638-14; JIS K7113:95
77	Bảng cân nước - Thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9409-3:14; ASTM D1203-16
78	Bảng cân nước - Xác định độ bền hóa chất	TCVN 9407:2014
79	Thanh trương nở - Khối lượng riêng	TCVN 4504:1988; ASTM D792
80	Thanh trương nở - Độ trương nở thể tích	TCVN 9847:2013; ASTM D570
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA PVC, PP, PE, HDPE		
81	Xác định kích thước hình học, độ oval, độ va đập và áp suất của ống nhựa, độ bền thủy tĩnh, độ bền kéo	TCVN 7305:2008; TCVN 7434:2004; ISO 6259; DIN 8075:1999; ASTM D638
82	Kiểm tra kích thước, độ dày	TCVN 6145:2007; ISO 3126; ASTM D2122
83	Khối lượng riêng	TCVN 6039:2008; ISO 1183; ASTM D792
84	Thử nghiệm độ bền chịu nén và khả năng chống cháy	TCVN 7997:2004; JIS C3653:1993
85	Xác định nhiệt độ hóa mềm Vicat	TCVN 6147:2003; ASTM D1525
86	Xác định sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007
87	Xác định độ bền áp suất trong	TCVN 6149-1:2007 (ISO 1167-1); TCVN 6149-2:2007 (ISO 1167-2); ISO 1167; TCVN 11821:2017; ASTM D1599

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
88	Xác định độ va đập	TCVN 6144:2003; ISO 3172; BS EN 477:2018; ASTM D2444; ISO 9854; ISO 179; ASTM D6110; ISO 11173
89	Xác định áp lực trong, ngoài độ bền môi trường hóa chất	TCVN 11821-2:2017; ISO 7686
90	Độ cứng vòng, độ đàn hồi	TCVN 8850:2011; TCVN 8851:2011; ISO 9969; ISO 13968; EN 1446
91	Độ bền Diclometan	TCVN 7306:2005; BS EN 580; ISO 9852
THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN		
92	Xác định đường kính, tiết diện sợi đồng, nhôm lõi dây điện, điện trở 1 chiều, điện trở cách điện	TCVN 6612:07; BS EN50086: 96
93	Xác định kích thước, chiều dày lớp cách điện, chiều dày vỏ bọc, độ bền kéo và độ dẫn dài khi đứt	TCVN 6614:2008; TCVN 5935:2013; TCVN 5936:1995; TCVN 2103:1994; IEC 60228:2004; IEC 60811-1:2001; IEC 60502-1:2009; BS EN50086: 96
94	Thí nghiệm ống luồn dây điện: Kích thước, thử va đập, biến dạng khi nén, khả năng chống cháy bằng ngọn lửa	TCVN 6145:2007; ISO 3126:2005; TCVN 6144:2003; ISO 3127:1994; BS EN 50086:96
THỬ NGHIỆM SƠN		
95	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2008; ISO 3668:2017
96	Xác định hàm lượng chất rắn	TCVN 2093:1993
97	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015; ISO 1524:2013
98	Xác định thời gian khô màng sơn	TCVN 2096:2015; ISO 9117:2010
99	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
100	Độ bám dính	TCVN 2097:2015; ISO 2409:2013; ASTM D4541:2017
101	Xác định độ bền uốn của màng sơn	TCVN 2099:2013; ISO 1519:2011
102	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp, ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2012
103	Xác định độ bền nước màng sơn	TCVN 8653-2:2012
104	Xác định độ bền kiềm	TCVN 8653-3:2012
105	Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4:2012
106	Xác định độ thấm nước	TCVN 8652:2012
107	Xác định độ mài mòn	TCVN 11474:2016; JIS K 5600-5-9; ASTM D4060:2010
108	Sơn tín hiệu giao thông, sơn vạch đường hệ nước: Xác định độ mịn, độ phát sáng, độ bền rửa trôi, độ chống loang màu, độ bền va đập, độ chịu dầu, độ chịu muối, kiềm, chịu nước, độ phản quang, mài mòn	TCVN 8786:11; TCVN 8787:2011

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
109	Sơn kẻ đường nhiệt dẻo, sơn phản quang: Xác định chất tạo màng, phân loại hạt và hàm lượng hạt thủy tinh, độ phát sáng, độ bền nhiệt, độ mài mòn, độ kháng cháy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn, nhiệt độ hóa mềm	TCVN 8791:18
110	Sơn tường - Sơn nhũ tương: Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính sử dụng, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn, xác định độ bền nước của màng sơn, xác định độ bền kiềm của màng sơn, độ rửa trôi, chu kỳ nóng lạnh, xác định độ thấm nước	TCVN 8652:12; TCVN 8653:12; ASTM D870; ASTM D4213
111	Sơn epoxy: Tính đồng nhất, tính ổn định, độ mịn, thời gian khô, khả năng thi công, bề ngoài màng sơn, độ bóng, độ bền va đập, khả năng chịu kiềm, chịu muối, chịu xăng, hàm lượng chất không bay hơi, độ bền thời tiết	TCVN 9014:2011; TCVN 5669:13; TCVN 8792:11; ASTM D2485-91; JIS K 5551:02; ISO 2808; ISO 15528; ISO 1513; ISO 1524; ISO 2813; ISO 6272
NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM GIA CÔNG ÁP LỰC		
112	Nhôm hợp kim định hình dùng trong xây dựng: Xác định độ bền kéo, độ giãn dài, dung sai kích thước	TCXDVN 330:2004; TCVN 12513-2:18
VẬT LIỆU CÁCH NHIỆT, VẬT LIỆU CHỊU LỬA		
113	Xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường	TCVN 7949-1:2008; TCVN 6530-1:2016
114	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp thực	TCVN 7949-2:2008; TCVN 6530-3:2016
115	Xác định độ lưu động của hỗn hợp bê tông chịu lửa	TCVN 10685-4:2014 (ISO 1927-4:2012)
116	Xác định khối lượng riêng	TCVN 6530-2:2016
117	Xác định nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng	TCVN 6530-6:2016
118	Xác định độ bền uốn ở nhiệt độ cao	TCVN 6530-10:2016
BỘT BÃ TƯỜNG		
119	Bột bã tường - Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính với nền, độ bền nước	TCVN 7239:2014
KÍNH XÂY DỰNG		
120	Kính cán vân hoa: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 7527:2005
121	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp: Xác định kích thước và hoàn thiện cạnh, khuyết tật ngoại quan; độ bền	TCVN 7364:2018

Handwritten signature or mark

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
122	Kính phù bức xạ thấp: Xác định khuyết tật ngoại quan, độ biến dạng quang học, hệ số truyền sáng, hệ số bức xạ, độ bền lớp phủ, độ đồng đều lớp phủ,	TCVN 9808:2013
123	Kính tối nhiệt: Kiểm tra phá vỡ mẫu	TCVN 7455:2013

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

D
U
N
G

De